

Giải pháp giúp các doanh nghiệp vừa và nhỏ vượt qua khó khăn trong điều kiện kinh tế số

Trần Thị Vân

Khoa Quản trị Kinh doanh, Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp

Mặc dù các năm gần đây, số lượng DNNVV thành lập mới nhiều, nhưng cũng có một bộ phận không nhỏ DN không có khả năng tồn tại, đứng vững trong cạnh tranh hoặc hoạt động kém hiệu quả. Hiện nay, các DNNVV vẫn rất khó tiếp cận các nguồn lực của xã hội để phục vụ cho sản xuất, kinh doanh như: việc tuyển dụng lực lượng lao động có trình độ tay nghề cao, về tiếp cận đất đai, về vốn tín dụng từ các ngân hàng, nguồn vốn từ các quỹ, về ứng dụng khoa học và công nghệ.

1. Tổng quan chung về DNVVN tại Việt Nam

Ở Việt nam hiện nay Doanh nghiệp vừa và nhỏ (DNVNV) chiếm khoảng 80% trong cộng đồng các doanh nghiệp Việt nam (cả nước có 758.610 doanh nghiệp đang hoạt động).

Theo Nghị định số 39/2018/NĐ-CP DNVVN được phân loại theo các tiêu chí cụ thể như sau:

Bảng 1. Tiêu chí phân loại DNVVN ở Việt Nam

Lĩnh vực hoạt động	DN siêu nhỏ		DN nhỏ		DN vừa	
	Số lao động (Người)	Doanh thu (tỷ đồng)	Số lao động (Người)	Doanh thu (tỷ đồng)	Số lao động (Người)	Doanh thu (tỷ đồng)
Nông, lâm nghiệp và thủy sản; Công nghiệp và xây dựng	≤ 10	≤ 3	≤ 100	≤ 50	≤ 200	≤ 200
Thương mại và dịch vụ	≤ 10	≤ 10	≤ 50	≤ 100	≤ 100	≤ 300

Lĩnh vực hoạt động	DN siêu nhỏ		DN nhỏ		DN vừa	
	Số lao động (Người)	Nguồn vốn (tỷ đồng)	Số lao động (Người)	Nguồn vốn (tỷ đồng)	Số lao động (Người)	Nguồn vốn (tỷ đồng)
Nông, lâm nghiệp và thủy sản; Công nghiệp và xây dựng	≤ 10	≤ 3	≤ 100	≤ 20	≤ 200	≤ 100
Thương mại và dịch vụ	≤ 10	≤ 3	≤ 50	≤ 50	≤ 100	≤ 100

Nguồn: Nghị định số 39/2018/NĐ-CP

Trong sự nghiệp phát triển kinh tế chung của đất nước, loại DNVVN đã đóng góp rất lớn từ việc thu hút vốn đầu tư (khu vực doanh nghiệp siêu nhỏ và nhỏ thu hút được khoảng 23%; khu vực doanh nghiệp quy mô vừa thu hút được khoảng chiếm 7,4%). Các DNVVN đã tích cực sử dụng vốn đầu tư một cách có hiệu quả hơn, hiệu quả hoạt động của các DNVVN của Việt Nam được thể hiện cụ thể như sau:

Bảng 2. Một số chỉ tiêu phản ánh hiệu quả kinh doanh của DNVVN

Loại hình DN	Hiệu suất sử dụng lao động (lần)	Chỉ số nợ (lần)	Chỉ số quay vòng vốn (lần)	Hiệu suất sinh lời trên tài sản - ROA (%)	Hiệu suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu - ROE (%)	Hiệu suất sinh lời trên doanh thu thuần - ROS (%)
DN siêu nhỏ	5,2	0,8	0,2	-1,1	-2,0	-6,4
DN nhỏ	13,6	1,5	0,8	-0,3	-0,8	-0,4
DN vừa	17,5	2,2	0,9	1,1	3,4	1,2

Nguồn: Sách trắng Doanh nghiệp Việt Nam năm 2020, Nxb Thống kê, Hà Nội

2. Những hạn chế, yếu kém của các doanh nghiệp nhỏ và vừa khi tham gia vào nền kinh tế số

Theo Báo cáo đánh giá môi trường kinh doanh năm 2018 của Ngân hàng Thế giới, chỉ số tiếp cận tín dụng của Việt Nam năm 2020 được xếp hạng 25/190 nền kinh tế. Cuối năm 2019, dư nợ tín dụng đối với DNNVV chiếm khoảng 18,7% dư nợ toàn nền kinh tế.

Đến nay vẫn có khoảng 60% DNNVV chưa tiếp cận được nguồn vốn tín dụng của ngân hàng. Việc tiếp cận đất đai còn nhiều khó khăn chưa đáp ứng được yêu cầu (thủ tục xin cấp đất rất chậm và chi phí quá cao làm mất đi cơ hội kinh doanh của DN). Các DNNVV thiếu thông tin thị trường cũng như cổng đối thoại với các bộ, ngành để tìm kiếm sự hỗ trợ và sự bảo vệ, đặc biệt là các thông tin về giá cả hàng hóa, thủ tục mua bán, xuất nhập khẩu hàng hóa cũng như quy trình sản xuất và chất lượng yêu cầu.

Trong giai đoạn 2019-2020 do ảnh hưởng của dịch Covid — 19, các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ luôn trong tình trạng thiếu vốn. Do các các doanh nghiệp nhỏ thiếu kinh nghiệm quản trị và tài sản đảm bảo, trong khi các ngân hàng đòi doanh nghiệp phải có tài sản thế chấp, mà tài sản thế chấp đó phải thuộc về người sáng lập, không chấp nhận tài sản thế chấp là tài sản của cán bộ nhân viên, không chấp nhận tài sản thế chấp là tài sản hình thành trong tương lai.

Điểm nổi bật hiện nay là, sự liên kết của các DNNVV Việt Nam yếu kém, có rất ít mối liên kết giữa các DN nhỏ và DN có quy mô lớn hơn. Tính tới cuối năm 2019, Việt nam mới chỉ có 758 nghìn doanh nghiệp đang hoạt động kết nối với chuỗi cung ứng rất hạn chế; Chỉ có 15% số DN trong nước bán hàng hóa, dịch vụ cho DN FDI, 8,4% số DN tham gia xuất khẩu trực tiếp và 7,4% tham gia xuất khẩu gián tiếp thông qua các công ty trung gian.

Sự hình thành và phát triển của các tập đoàn kinh tế tư nhân ở Việt Nam chủ yếu là sau một giai đoạn tích lũy ngắn, dựa vào vốn tự có và ít được Nhà nước hỗ trợ. Quá trình phát triển theo mô hình tập đoàn của nhóm các tập đoàn kinh tế tư nhân hiện gặp phải một số khó khăn về quản trị, mô hình, do phần lớn phát triển từ quy mô DN gia đình. Các liên kết trong mô hình tập đoàn còn khá đơn giản, chưa triển khai được các hình thức liên kết “mềm” khác thông qua thỏa thuận, hợp tác sử dụng thương hiệu, dịch vụ, kết quả nghiên cứu đổi mới, ứng dụng khoa học, công nghệ chung trong tập đoàn theo nguyên tắc thị trường. Lĩnh vực hoạt động của các tập đoàn kinh tế và DN thuộc khu vực tư nhân mới chủ yếu tập trung vào một số lĩnh vực như dịch vụ, bất động sản... Vì vậy, còn thiếu vắng một lực lượng DN “đầu tàu” đủ mạnh để có thể dẫn dắt “đoàn tàu” DN Việt Nam tham gia chuỗi sản xuất, chuỗi giá trị trong nước và quốc tế.

Do có quy mô nhỏ nên rất khó tăng NSLĐ nhờ chuyên môn hóa hay tận dụng lợi thế quy mô được. Mặt khác, vì quy mô nhỏ nên khả năng tích tụ và tập trung vốn để đầu tư, đổi mới công nghệ, mở rộng quy mô sản xuất hầu như không có. Điều này ảnh hưởng rất lớn đến khả năng cạnh tranh của DNNVV, nhất là trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng hiện nay.

Thiếu hụt lực lượng lao động có kỹ năng, theo dự báo, năm 2020 thì Việt Nam sẽ thiếu khoảng 500,000 nhà khoa học về dữ liệu và khoảng một triệu nhân lực trong lĩnh vực CNTT&TT.

Thuật toán không đảm bảo được tính công bằng: trí tuệ nhân tạo có thể gây ra sự phân biệt phân biệt đối xử trong các nhận định hay các quy trình có ảnh hưởng đến cuộc sống của con người. Ví dụ, các phần mềm nhận diện khuôn mặt được cảnh sát sử dụng đôi khi đưa ra các kết quả không chính xác và dễ xác định sai đối tượng; hoặc gián tiếp gây ra những hành vi mang tính phân biệt đối xử trong quá trình đánh giá các khoản vay tài chính, tuyển sinh trong giáo dục, tham gia bảo hiểm, dẫn đến tình trạng phân biệt đối xử với một số nhóm người trong xã hội. Một báo cáo của Ngân hàng Thế giới đã chỉ ra rằng công nghệ số mang lại ít lợi ích hơn cho người nghèo, nhưng những người không thuộc nhóm nghèo thì được hưởng lợi nhiều từ các công nghệ này.

Nền kinh tế trong nước dễ bị tổn thương bởi sự bất ổn kinh tế toàn cầu, ảnh hưởng mạnh tới hoạt động của các DNVVN: những cú sốc kinh tế từ Hoa Kỳ và hàng loạt biện pháp trừng phạt thuế quan thương mại có thể cảm nhận được. Mặc dù trong ngắn hạn Việt Nam đang hưởng lợi từ việc các nhà máy sản xuất được di dời sang Việt Nam, về lâu dài cũng rất khó dự đoán trước những tác động này

Các quy định về hàng hóa ngày càng gắt gao hơn: để có thể xuất khẩu sang thị trường quốc tế, các sản

phẩm xuất khẩu cần tuân thủ các quy định mới được đề ra trong các Hiệp định Tự do Thương mại và đáp ứng được các tiêu chuẩn cao của các nền kinh tế quốc tế

DNVVN trong nước phải đối mặt với sự bóc lột và thống lĩnh của các công ty quốc tế: Các tập đoàn nước ngoài đang hoạt động tại Việt nam có thể né tránh việc thực hiện các nghĩa vụ xã hội và môi trường. Những công ty này cũng khiến các công ty trong nước gặp khó khăn trong việc tham gia chuỗi giá trị.

Khi dữ liệu được tích hợp toàn cầu thì nguy cơ bị tấn công cũng trở lên cao hơn: khi các quốc gia ngày càng được số hóa và hội nhập với các quốc gia khác, dữ liệu cũng được tích hợp toàn cầu. Các cuộc tấn công mạng vào các công ty nước ngoài vẫn có thể ảnh hưởng tiêu cực tới dữ liệu của Việt Nam. Nếu an ninh mạng không được đảm bảo, Việt Nam có nguy cơ bị mất dữ liệu nhạy cảm của chính phủ, doanh nghiệp và người tiêu dùng. Kéo theo đó là niềm tin của người tiêu dùng giảm sút (các vụ vi phạm đe dọa bảo mật cá nhân, danh tính và niềm tin của người tiêu dùng, điều này có thể làm giảm tỷ lệ ứng dụng hàng hóa và dịch vụ số tại Việt Nam). Hậu quả là mất khả năng cạnh tranh quốc tế (người tiêu dùng và nhà đầu tư quốc tế có thể cân nhắc sử dụng các sản phẩm và dịch vụ của các nền kinh tế khác do cảm thấy thiếu an toàn ở Việt Nam)

3. Định hướng giải pháp giúp các doanh nghiệp vừa và nhỏ vượt qua các khó khăn trong điều kiện nền kinh tế số

- Không ngừng cải cách và đưa các cơ chế, chính sách hỗ trợ DNVVN thực hiện đồng bộ tại Việt nam

Để khuyến khích các DNVVN tại Việt nam phát triển, các cơ quan chức năng có thẩm quyền để nỗ lực không ngừng hoàn thiện khung pháp lý để tạo cơ sở cho việc đổi mới, phát triển các DNVVN. Các cơ sở pháp lý đã và đang được hoàn thiện có thể kể đến như: Luật Đầu tư (2020) và Luật DN (2020); Luật Chuyển giao công nghệ (2017) và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng (năm 2017); Luật Cạnh tranh (năm 2018), Luật Đất đai (2013), Luật Thương mại (2005), Luật Phá sản (2004), Luật Sở hữu trí tuệ (2019), Luật Thuế thu nhập DN (2020), Luật Hỗ trợ DNNVV (năm 2017), Nghị định số 39/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2019 về tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển DNNVV,...

Nhằm tăng cường các chính sách hỗ trợ phát triển DNNVV và phong trào khởi nghiệp, Chính phủ ban hành các Nghị định số 34/NĐ-CP ngày 8 tháng 3 năm 2018 về thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho DNNVV; Nghị định số 38/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 quy định chi tiết về đầu tư cho DNNVV khởi nghiệp sáng tạo. Cùng với đó là cụ

thể hóa các quy định, chính sách về hỗ trợ DNNVV, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo theo quy định tại Luật Hỗ trợ DNNVV.

Để tạo cơ sở hành lang pháp lý minh bạch cho các DNVVN tại Việt nam phát triển trong nền kinh tế số, Việt nam cũng đã có những văn bản pháp lý phù hợp định hướng và hướng dẫn cụ thể, đó là:

Bảng 3. Hệ thống văn bản pháp lý liên quan đến nền kinh tế số

Các văn bản luật chính	Các nghị định, quyết định	Các chiến lược, kế hoạch tổng thể và sáng kiến
1. Luật viễn thông 2009	Nghị định số 25/2011/NĐ-CP, hướng dẫn thi hành Luật Viễn thông	Chiến lược phát triển Bưu chính viễn thông và CNTT đến 2010, định hướng tới 2020
2. Luật công nghệ thông tin 2006	Nghị định số 154/2013/ NĐ-CP về Khu công nghiệp thông tin tập trung	Kế hoạch tổng thể về ngành điện tử Việt Nam đến năm 2010, tầm nhìn đến năm 2020
3. Luật an toàn thông tin mạng 2015	Nghị định số 26/2007/ NĐ-CP hướng dẫn chi tiết về Luật Giao dịch điện tử	Quy hoạch phát triển an ninh CNTT trong năm 2020
4. Luật giao dịch điện tử 2005	Nghị định số 71/2007/ NĐ-CP hướng dẫn chi tiết về Luật Công nghệ Thông tin	Chương trình mục tiêu phát triển CNTT năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025
5. Luật công nghệ cao 2008	Nghị định số 35/2007/ NĐ-CP và số 27/2007/ NĐ-CP về ngân hàng điện tử & tài chính điện tử	Chương trình phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông băng tần đến năm 2020
6. Luật sở hữu trí tuệ 2005	Nghị định số 52/2013/ NĐ-CP về Thương mại điện tử	
7. Luật chuyển giao công nghệ 2018	Nghị định số 97/2008/ NĐ-CP về dịch vụ Internet và thông tin điện tử trên Internet	
8. Luật an ninh mạng 2018	Chỉ thị số 16/CT- TTg về nâng cao năng lực tiếp cận cuộc CMCN 4.0	

Nguồn: Bộ Khoa học và Công nghệ

- Các doanh nghiệp vừa và nhỏ cần nâng cao khả năng tiếp cận tín dụng ngân hàng

DNVVN cần nâng cao năng lực quản trị, đặc biệt là quản trị tài chính của doanh nghiệp mình, để tạo niềm tin cho các tổ chức tín dụng. Bản thân các DNVVN cần phải xây dựng các chiến lược kinh doanh dài hạn, lập các kế hoạch quản trị rủi ro, các kế hoạch tài chính cụ thể, đồng thời thực hiện truyền thông nội bộ ở tất cả các khâu trong doanh nghiệp về những nội dung này.

Bên cạnh đó DNVVN phải coi trọng việc minh bạch các hoạt động tài chính nội bộ của công ty, thường xuyên xem xét các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động tài chính của doanh nghiệp như: chỉ tiêu về mức độ độc lập tài chính; chỉ tiêu về khả năng thanh toán của doanh nghiệp; các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của doanh nghiệp; các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp; các chỉ tiêu phản ánh hiệu quả của phương án vay vốn và phân phối lợi nhuận của doanh nghiệp. DNVVN phải đảm bảo hệ thống các chỉ tiêu phản ánh hiệu tài chính của mình phải đạt tối thiểu ở mức an toàn theo qui định. Khi mà doanh nghiệp đã thực hiện tốt việc minh bạch tài chính sẽ giúp cho các tổ chức tín dụng giảm thời gian thẩm định khách hàng, ra quyết định cấp vốn nhanh hơn, đồng thời doanh nghiệp cũng nhận diện sớm được các rủi ro tài chính tiềm ẩn để tìm biện pháp ngăn chặn hiệu quả.

- Doanh nghiệp cần định hướng tìm kiếm và đào tạo những kỹ năng mới, kỹ năng kỹ thuật số cho đội ngũ nguồn nhân lực của mình. Năng lực kỹ thuật số là

các kỹ năng, kiến thức và hiểu biết của con người sống, học và làm việc trong một xã hội kỹ thuật số. Các doanh nghiệp cần chú trọng tìm kiếm và đào tạo người lao động có trình độ, năng lực xử lý dữ liệu; năng lực đổi mới sáng tạo, giải quyết vấn đề; năng lực giao tiếp và hợp tác (làm việc với mọi người, tham gia và kết nối thông qua các phương tiện kỹ thuật số); năng lực sử dụng các tài nguyên học tập kỹ thuật số để nắm bắt các kiến thức và xu hướng công nghệ kỹ thuật số mới

- DNVVN cần chủ động nắm bắt tầm quan trọng, lợi ích của công nghệ, sẵn sàng chuyển đổi để tham gia tích cực vào nền kinh tế số. Các doanh nghiệp cần chủ động nâng cao năng lực kỹ thuật số (thể hiện qua 6 yếu tố: Hạ tầng IT; cơ sở dữ liệu khách hàng, nhân sự, đối tác, các tài liệu của doanh nghiệp; năng lực nghiên cứu và phát triển; khả năng truy cập và chia sẻ dữ liệu; các hoạt động đào tạo nội bộ; văn hóa thực hiện các sáng kiến kỹ thuật số/.

Tài liệu tham khảo

Bộ Khoa học và Công nghệ, Tóm tắt Tương lai nền kinh tế số Việt nam hướng tới năm 2030 và 2045)

Chu Thanh Hải (2019), Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam hiện nay, Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam, số 11.

Trần Thị Lương (2019), Nâng cao khả năng tiếp cận tín dụng ngân hàng của doanh nghiệp nhỏ và vừa, Tạp chí Tài chính.vn

Sách trắng Doanh nghiệp Việt Nam năm 2020, Nxb Thống kê, Hà Nội